

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/KDTM-ST
Ngày: 15 - 7 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Trang;
2. Bà Lê Thị Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa:

- *N đơn:* Công ty TNHH Một Thành Viên Quốc T; trụ sở chính: Số 02/ĐT 10-HN, tổ 8, khu phố Hóa N, phường Tân Vĩnh H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của N đơn: Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1981 và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999; cùng trú tại: Số 66/2 đường DX072, khu phố 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ- Sản xuất Doanh N; trụ sở chính: Thửa đất số 1480, tờ bản đồ số 95, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1988; nơi ĐKKHTT: Ấp 1, xã Sông T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của N đơn trình bày:

Ngày 02/01/2019, giữa Công Ty TNHH –MTV Quốc T và Công Ty TNHH TM DV SX Doanh N đã giao kết mua bán mặt hàng Mousse xốp (PU Foam), với thỏa thuận Công Ty TNHH –MTV Quốc T sẽ cung cấp Mousse xốp (PU Foam) các loại cho Công Ty TNHH TM DV SX Doanh N. Thông qua các đơn đặt hàng giữa Công Ty TNHH –MTV Quốc T và Công Ty TNHH TM DV SX Doanh N. Thực hiện việc giao kết, Công Ty TNHH –MTV Quốc T đã thực hiện giao hàng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, đầy đủ số lượng theo yêu cầu với tổng giá trị mua bán hàng hóa là: 2,642,741,220 đồng (hai tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm hai mươi đồng)

Sau khi kết thúc giao dịch Công Ty TNHH –MTV Quốc T đã chốt số liệu, số tiền và đồng thời xuất hóa đơn qua các số hóa đơn như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	NGÀY	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN		SỐ NỢ CÒN LẠI
			HÓA ĐƠN	ĐÃ THANH TOÁN	
Dư nợ đầu kỳ					2,642,741,220
1	30/07/2019	0001789	589,920,851	589,920,851	2,052,820,369
2	30/08/2019	0001944	950,714,958	899,835,000	1,152,985,369
3	30/09/2019	0002106	647,392,218		1,152,985,369
4	30/10/2019	0002236	318,207,098	318,207,098	834,778,271
5	30/12/2019	0000005	75,914,388		834,778,271
6	30/08/2020	0000860	60,591,707		834,778,271
7					834,778,271
TỔNG			2,642,741,220	1,807,962,949	834,778,271

Về N tắc sau khi xuất hóa đơn, Công Ty TNHH TM DV SX Doanh N có trách nhiệm phải thanh toán hết số tiền: 2,642,741,220 (hai tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm hai mươi đồng) cho Công Ty TNHH MTV Quốc T khi hai bên đã thực hiện chuyển giao hàng hóa và xuất hóa đơn bán hàng cuối cùng vào ngày 30/08/2020 như đã yêu cầu hoặc không quá 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn như đã trao đổi trước đó. Tính từ thời điểm xuất hóa đơn cuối cùng ngày 30/08/2020 đến ngày 22/10/2021 sau nhiều lần nhắc nợ, phía Công Ty TNHH TM DV SX Doanh N chỉ thanh toán cho Công Ty TNHH – MTV Quốc T tổng số tiền là: 1,807,962,949 đồng (một tỷ, tám trăm lẻ bảy triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng). Số tiền còn nợ là: 834,778,271

đồng (tám trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, hai trăm bảy mươi mốt đồng).

Quá trình khởi kiện ra Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thì ngày 16/5/2022, bị đơn thanh toán cho N đơn thêm số tiền 150.000.000 đồng. Nay, N đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ còn lại 684.778.121 đồng (sáu trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm hai mươi mốt đồng) và tiền lãi suất chậm thanh toán từ ngày 25/12/2021 đến ngày 16/5/2022 là 28.342.206 đồng. Tổng cộng: 713.120.327 đồng (bảy trăm mười ba triệu, một trăm hai mươi nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng).

Các tài liệu, chứng cứ N đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Bản sao biên bản xác nhận công nợ ngày 18/10/2021; biên bản xác nhận thanh toán công nợ ngày 25/10/2021; phiếu xuất hàng; hồ sơ pháp lý của Công Ty TNHH – MTV Quốc T; giấy ủy quyền; giấy chứng minh nhân dân của người đại diện hợp pháp và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Doanh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Doanh N đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của N đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu: Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc tranh luận Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là tự từ bỏ quyền tranh tụng của mình nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: N đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ do mua hàng chưa thanh toán. 684.778.121 đồng (sáu trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm hai mươi mốt đồng) và tiền lãi suất chậm thanh toán từ ngày 25/12/2021 đến ngày 16/5/2022 là 28.342.206 đồng. Tổng cộng: 713.120.327 đồng (bảy trăm mười ba triệu, một trăm hai mươi nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng). Do đó, có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của N đơn, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, tranh chấp phát

sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Doanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do N đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

N đơn Công Ty TNHH – MTV Quốc T đã bán Mousse xốp (PU Foam), cho bị đơn Công Ty TNHH TM DV SX Doanh N. Căn cứ biên bản xác nhận công nợ ngày 18/10/2021; biên bản xác nhận thanh toán công nợ ngày 25/10/2021 thì bị đơn còn nợ lại số tiền 834.778.271 đồng (tám trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, hai trăm bảy mươi một đồng). N đơn thừa nhận ngày 16/5/2022, bị đơn đã thanh toán tiếp 150.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị đơn còn nợ tiền mua Mousse xốp (PU Foam), của N đơn, việc bị đơn không trả số tiền còn nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên mua theo quy định tại Điều 50, 55 của Luật Thương mại, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của N đơn. Do đó, N đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng chưa trả là có căn cứ. Quá trình tố tụng, N đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của N đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Vì vậy, có căn cứ xác định hiện bị đơn còn nợ N đơn số tiền 684.778.121 đồng (sáu trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm hai mươi một đồng) nhưng chưa trả, cần buộc bị đơn trả số tiền này cho N đơn.

[3] Về thời điểm bắt đầu tính lãi:

N đơn và bị đơn đã thỏa thuận thời hạn thanh toán công nợ theo biên bản xác nhận thanh toán công nợ ngày 25/10/2021 nhưng bị đơn không thanh toán. Do đó, N đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi do chậm trả từ ngày 25/12/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về thời gian tính lãi, lãi suất và số tiền lãi chậm trả:

Căn cứ quy định tại Điều 306 của Luật thương mại, bị đơn là bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán thì phải chịu lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Theo cung cấp lãi suất tại Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay và N đơn yêu cầu tiền lãi chậm trả từ ngày 25/10/2021 đến ngày 15/7/2021 là 28.342.206 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng số tiền nợ gốc; tiền phạt và lãi bị đơn phải trả cho N đơn là: 713.120.327 đồng (bảy trăm mười ba triệu, một trăm hai mươi nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng).

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của N đơn được chấp nhận nên trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho N đơn; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 24, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công Ty TNHH –MTV Quốc T đối với Công Ty TNHH TM DV SX Doanh N về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công Ty TNHH TM DV SX Doanh N phải thanh toán cho Công Ty TNHH –MTV Quốc T số tiền 713.120.327 đồng (bảy trăm mười ba triệu, một trăm hai mươi nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng), gồm: Tiền nợ gốc 684.778.121 đồng; tiền lãi chậm trả 28.342.206 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công Ty TNHH TM DV SX Doanh N phải chịu 32.524.813 đồng (ba mươi hai triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm mười ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công Ty TNHH –MTV Quốc T 18.521.674 đồng (mười tám triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001991 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. N đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu